

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2021/HNGĐ - ST

Ngày 26 tháng 02 năm 2021

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bắc
2. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2021 tại Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 602/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc: ***“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST – HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1992
Địa chỉ: Thôn 01, xã DP, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
2. Bị đơn: Anh Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1991
Địa chỉ: Thôn 05, xã G, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/9/2020, bản tự khai ngày 05/10/2020 và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Trần Thị Thu T trình bày như sau:

Chị và anh Huỳnh Ngọc H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 03 tháng 01 năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn 5, xã G, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian chung sống, anh

Huỳnh Ngọc H nghiện cờ bạc, gây nợ nần, không chăm lo kinh tế gia đình, một mình chị phải gánh vác mọi công việc lớn nhỏ nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, gia đình không hòa thuận. Mâu thuẫn nghiêm trọng nên chị chuyển về nhà cha mẹ để sinh sống từ tháng 10/2019 cho đến nay. Ban đầu anh H có đến nhà cha mẹ chị vài lần nhưng sau đó anh chị không liên lạc, mỗi người có cuộc sống riêng. Chị nhận thấy vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh Huỳnh Ngọc H.

Về con chung: Chị và anh Huỳnh Ngọc H có 02 (hai) con chung là cháu Huỳnh Ngọc P, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2010 và cháu Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2012. Cháu Huỳnh Ngọc P hiện đang sống với anh H còn cháu Huỳnh Ngọc H hiện đang sống với chị. Vì vậy ly hôn chị yêu cầu được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Huỳnh Ngọc H còn giao cháu Huỳnh Ngọc P cho anh H nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh Huỳnh Ngọc H có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị và anh Huỳnh Ngọc H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với bị đơn anh Huỳnh Ngọc H:

Anh Huỳnh Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để anh H trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung của chị Trần Thị Thu T nhưng anh Huỳnh Ngọc H không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn chị Trần Thị Thu T chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn anh Huỳnh Ngọc H, việc chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng chưa bảo đảm.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu T về yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Ngọc H, giao 02 (hai) con chung cho anh chị cùng nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cụ thể giao cháu Huỳnh Ngọc P cho anh Huỳnh Ngọc H và giao cháu Huỳnh Ngọc H cho chị Trần Thị Thu T. Chị Trần Thị Thu T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Thị Thu T và anh Huỳnh Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không thuộc trường hợp cấm kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, thành phố P,

tỉnh Gia Lai ngày 03 tháng 01 năm 2011. Hôn nhân của anh chị tuân thủ theo các Điều 9, 10, 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 nên hôn nhân hợp pháp.

Do mâu thuẫn gia đình, chị Trần Thị Thu T yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Huỳnh Ngọc H đồng thời giải quyết về vấn đề con chung, bị đơn anh Huỳnh Ngọc H cư trú trên địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn Huỳnh Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án để anh trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu T, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải đoàn tụ và hòa giải về hôn nhân, con chung và các vấn đề khác cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh H vắng mặt. Do đó căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương theo biên bản xác minh ngày 01 tháng 12 năm 2020 nhưng không xác định được mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H.

Tuy nhiên, trên thực tế chị Trần Thị Thu T và anh Huỳnh Ngọc H không cùng chung sống, không còn sự quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau theo đúng tình nghĩa vợ chồng do đó mục đích ban đầu khi anh chị xác lập quan hệ hôn nhân là xây dựng hôn nhân hạnh phúc không đạt được. Bản thân thái độ thờ ơ, bỏ mặc của anh Huỳnh Ngọc H trước yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Trần Thị Thu T đã thể hiện anh H không quan tâm, muốn níu kéo quan hệ hôn nhân này.

Từ đó có cơ sở khẳng định hôn nhân giữa chị Trần Thị Thu T và anh Huỳnh Ngọc H phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Ngọc H, xử cho anh H được ly hôn với chị Trần Thị Thu T.

Về con chung: Chị Trần Thị Thu T và anh Huỳnh Ngọc H có 02 (hai) con chung là cháu Huỳnh Ngọc P, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2010 và cháu Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2012.

Chị Trần Thị Thu T có nguyện vọng nhận chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Huỳnh Ngọc H và đồng ý giao cháu Huỳnh Ngọc P cho anh Huỳnh Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng. Từ nguyện vọng của các cháu Huỳnh Ngọc P và Huỳnh Ngọc H cùng với thực tế, cháu Huỳnh Ngọc P đang chung sống với anh Huỳnh Ngọc H và cháu Huỳnh Ngọc H đang chung sống với chị Trần Thị Thu T; để tránh ảnh hưởng đến tâm lý, xáo trộn môi trường sinh hoạt, học tập của các cháu, việc giao cháu P cho anh H và giao cháu H cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 92 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Vấn đề tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Trần Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án này.

Về án phí: Chị Trần Thị Thu T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 97, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, 10, 11, 89, 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Thu T

Chị Trần Thị Thu T được ly hôn với anh Huỳnh Ngọc H

2. Về con chung:

Giao 01 (một) con chung là cháu Huỳnh Ngọc P, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2010 cho anh Huỳnh Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Giao 01 (một) con chung là cháu Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2012 cho chị Trần Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Thu T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai số 0005477 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Chị Trần Thị Thu T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn chị Trần Thị Thu T được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn anh Huỳnh Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc bản sao bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP. P;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. P;
- UBND xã G, thành phố P,
tỉnh Gia Lai (Chứng nhận kết hôn số 01
ngày 03/01/2011);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký
Võ Thị Thanh Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA